**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ, TỪ LÁY**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***I. Về năng lực***

**a. Năng lực đặc thù**

- Củng cố kiến thức về trạng ngữ, nhận biết được thành phần trạng ngữ trong câu.

- Xác định được tác dụng của việc mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

- Tạo lập được câu văn, đoạn văn có mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ và nêu tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ đó.

- Nhận biết được từ láy và phân tích được tác dụng của từ láy được sử dụng trong câu văn, đoạn văn.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: tự ôn tập kiến thức tiếng Việt đã học trước khi vào lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề: vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập cụ thể

- Năng lực giao tiếp: học sinh trình bày bài làm của mình, chia sẻ kinh nghiệm khi làm bài, góp ý cho các bạn trong lớp.

***II. Về phẩm chất****:* Từ việc làm bài, học sinh được rèn luyện sự kiên trì, chăm chỉ, tinh thần hợp tác - đoàn kết với các bạn trong lớp để giải quyết vấn đề.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**I. Giáo viên**

- KHBD, SGK, SGV, tài liệu tham khảo.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**II. Học sinh**

- SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập,…

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**2. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:*** Thi đặt câu có sử dụng trạng ngữ là một từ hoặc một cụm từ  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đặt câu có sử dụng TN theo yêu cầu.  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày các câu văn có sử dụng TN theo yêu cầu.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ**

**1. Mục tiêu:** Xác định trạng ngữ của câu, so sánh trạng ngữ trong từng cặp câu và từ đó rút ra nhận xét vế tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***a. Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân: Xác định TN trong 2 VD sau***  *+ Đêm, trời mưa như trút nước.*  *+ Đêm hôm qua, trời mưa như trút nước*  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trả lời cá nhân  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới. | *Đêm, trời mưa như trút nước.*  ***-> Trạng ngữ là 1 từ “Đêm”.***  *Đêm hôm qua, trời mưa như trút nước*  ***-> Trạng ngữ là một cụm từ “Đêm hôm qua”.***  **🡪 *Ở ví dụ 2 trạng ngữ được mở rộng và nhờ vậy nên trạng ngữ ở ví dụ 2 cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.*** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt: mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ, nêu tác dụng; xác định từ láy và nêu tác dụng của từ láy.

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài tập 1:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:***  **- Xác định trạng ngữ trong câu a,b**  ***- Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm đôi (theo bàn)  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - Đại diện HS trả lời  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt đặc điểm và tác dụng của TN  **Bài tập 2:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ: So sánh các câu trong từng cặp câu của bài 2 và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm đôi, thảo luận, chốt đáp án.  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS cử đại diện trình bày  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.  **Bài tập 3:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***- Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ.***  ***- Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt kĩ năng tạo lập câu văn mở rộng TN bằng cụm từ: Dùng trạng ngữ bằng 1 từ sau đó mở rộng trạng ngữ bằng một cụm từ (dựa trên từ chỉ trạng ngữ ban đầu).  **Bài tập 4:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:*** ***Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các câu của bài 4***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận nhóm 4  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt kĩ năng sử dụng từ láy và phân tích tác dụng của từ láy có trong câu. | **Bài tập 1:**  ***a) Khoảng hai giờ sáng / Mon tỉnh giấc.***  ***TN CN VN***  ***b) Suốt từ chiều hôm qua, /nước bắt đầu dâng***  ***TN CN VN***  ***lên nhanh hơn.***  => Trạng ngữ *suốt từ chiều hôm qua* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ *hôm qua* mà còn cho thấy quá trình xảy ra sự việc: bắt đầu vào buổi chiểu ngày hôm qua và kéo dài.  **Bài tập 2:**  a.1 *Trong gian phòng*, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.  a.2 *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng*  những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.  🡪 Ở ví dụ a.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với ví dụ ở a.1. Trạng ngữ *trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ *trong gian phòng* mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng *(lớn, tràn ngập ánh sáng).*  b.1 *Thế là qua một đêm*, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt  b.2 *Thế là qua một đêm mưa rào*, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.  (Thạch Lam – *Gió lạnh đầu mùa*)  🡪 Ở ví dụ b.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở b.1. Trạng ngữ *qua một đêm mưa rào* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ *qua một đêm* mà còn cho thấy đặc điểm của đêm *(mưa rào).*  c.1 Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  c.2 Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  (Trần Hoài Dương *– Miền xanh thẳm)*  🡪 Ở ví dụ c.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở c.1. Trạng ngữ *trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ *trên nóc một lô cốt* mà còn cho thấy đặc điểm và vị trí của lô côt *(cũ, kề bên một xóm nhỏ).*  **Bài tập 3:**  **Bài tập 4:**  *a. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.*  - Câu văn nói về cảm giác của Mên và Mon khi nghe tiếng mưa và tiếng nước sông dâng cao trong đêm.  - Hai đứa trẻ cảm nhận dòng nước xiết đang dâng dần lên và ẩn chứa sức mạnh ngầm, trong đó có sự nguy hiểm đang rình rập.  *b. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*  - Nhà văn dùng từ láy *bé bỏng* để miêu tả những con chim chìa vôi bé nhỏ, mới được sinh ra nên còn non nớt, yếu ớt.  - Hình ảnh những con chim bé bỏng đang bay vào bờ đối lập với dòng nước khổng lổ dâng cao xiên xiết chảy cho thấy vẻ đẹp, bản lĩnh của đàn chim non.  - Hình ảnh này giúp người đọc cảm nhận được sự kì diệu và sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên.  *c. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.*  - Các từ láy *mỏng manh, run rẩy.*  + Từ láy *mỏng manh* miêu tả những cánh chim rất mỏng, nhỏ bé  + Từ láy *run rẩy* diễn tả sự rung động mạnh, liên tiếp và yếu ớt của đôi cánh.  =>Qua đó, câu văn nhấn mạnh sự nhỏ bé, non nớt của đàn chim non mới nở. Nhưng đàn chim ấy đã thực hiện thành công một hành trình kì diệu: bay lên khỏi dòng nước khổng lồ để hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

***1. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để tạo lập đoạn văn có mở rộng TN bằng cụm từ.

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:*** Viết đoạn văn (5 – 7 câu) miêu tả một cảnh đẹp mà em đã được trải nghiệm trong dịp nghỉ hè. Trong đoạn văn có mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ. Gạch chân và chú thích rõ.  - Yêu cầu HS đọc đề  - Để thực hiện yêu cầu của đề, đoạn văn của em cần đảm bảo các yêu cầu gì?  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV quan sát, hỗ trợ  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS lắng nghe nhận xét, bổ sung  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV khích lệ, động viên, nhận xét | - Dung lượng: 5 - 7 câu  - Bố cục: 3 phần (MĐ, TĐ, KĐ)  - Nội dung: miêu tả một cảnh đẹp mà em đã được trải nghiệm trong dịp nghỉ hè.  - Yêu cầu về tiếng Việt: có mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ.  - Gạch chân và chú thích rõ. |